

Bản án số: 1819/2024/DS-ST.

Ngày: 05-09-2024.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tài,
2. Bà Bùi Thị Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và ngày 05 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 633/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 438/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 382/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT,

Mã số doanh nghiệp: 030110xxxx.

Trụ sở: đường N, phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông NMT, sinh năm 1973, CCCD số: 03107300xxxx, địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhân viên Công ty TNHH MTV SGTT (Giấy ủy quyền số 1107/2024/UQ-TGD ngày 05/02/2024 của Công ty TNHH MTV SGTT, Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng TMCP SGTT).

2. Bị đơn: Ông HLH, sinh năm 1990,

Chứng minh nhân dân số: 02454xxxx.

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT có ông NMT làm đại diện trình bày:***

Theo đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/11/2018 và thu nhập của ông HLH, Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi là: ngân hàng) đồng ý cấp cho ông HLH thẻ tín dụng visa 472074-xxxx với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông HLH đã thực hiện các giao dịch tổng cộng 102.686.800 đồng và thanh toán cho ngân hàng số tiền 83.204.500 đồng, trong đó: tiền gốc 78.957.425 đồng, tiền phí trễ hạn 947.699 đồng, tiền lãi 3.087.962 đồng, tiền phí vượt hạn mức là 211.414 đồng theo thứ tự quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng: phí/lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng của kỳ trước, phí/lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng trong kỳ. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở nhưng ông HLH không có thiện chí trả nợ nên ngày 23/10/2019, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông HLH và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 23.729.375 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông HLH phải trả ngay tổng số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 29/01/2024 tổng cộng là 71.852.255 đồng, trong đó tiền gốc là 23.729.375 đồng, tiền lãi quá hạn là 48.122.880 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 30/01/2024 cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

**** Bị đơn ông HLH:***

Bị đơn ông HLH đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/7/2024, 10/7/2024 nhưng ông HLH không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông HLH.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện ông HLH, thường trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/11/2018 được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn ông HLH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với ông HLH, thường trú số đường X, phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1019/2024/QĐ-CCTLCC ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông HLH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông HLH.

[3] Về yêu cầu khởi kiện

Tại phiên tòa, ông NMT, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ông HLH thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 558 ngày 28/11/2018 tổng cộng là 77.856.534 đồng, trong đó: tiền gốc là 23.729.375 đồng, tiền lãi quá hạn đến ngày 05/9/2024 là 54.127.159 đồng và tiền lãi tiếp tục phát

sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán xong.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nội dung ngành, nghề kinh doanh của Ngân hàng TMCP SGTT tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (mã số doanh nghiệp: 030110xxxx) và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 558 ngày 28/11/2018, Ngân hàng và ông HLH có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa với hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của ngân hàng mà không cần báo trước cho chủ thẻ. Xét chủ thẻ ký kết, nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017) và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 nên buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ngân hàng đã thực hiện giao cho ông HLH thẻ tín dụng visa số 472074-xxxx. Xét trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, tổng số tiền phát sinh khi ông HLH sử dụng thẻ là 106.933.875 đồng, trong đó: Giá trị các giao dịch thẻ là 102.686.800 đồng, phí trễ hạn là 947.699 đồng, tiền lãi là 3.087.962 đồng và tiền phí vượt hạn mức là 211.414 đồng, thanh toán 83.204.500 đồng và căn cứ thứ tự thanh toán quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên số tiền gốc mà ông HLH còn thiếu $106.933.875 \text{ đồng} - 83.204.500 \text{ đồng} = 23.729.375 \text{ đồng}$ là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ thẻ theo mục 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT có hiệu lực từ ngày 15/08/2016. Căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Điều 463 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13, ông HLH phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay, lãi và phí phát sinh cho ngân hàng.

Xét ông HLH đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán ba kỳ liên tiếp của thẻ visa kỳ ngày 22/8/2019, 22/9/2019 và 22/10/2019 nên ngân hàng đã chuyển dư nợ còn thiếu của thẻ Visa 23.729.375 đồng sang nợ quá hạn ngày 23/10/2019 là phù hợp với đoạn 5 mục 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của ngân hàng yêu cầu ông HLH thanh toán số tiền gốc còn thiếu tổng cộng là 23.729.375 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/08/2019 về ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam, lãi suất trong hạn áp dụng cho thẻ tín dụng VISA hạng phổ thông là 31,2%/năm và tại Điều 4 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017, một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày nên tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày chuyển nợ quá hạn 23/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng (1779 ngày) là: $23.729.375 \text{ đồng} \times [(31,2\%/năm \times 150\%) : 365 \text{ ngày/năm} \times 1.779 \text{ ngày}] = 54.127.159 \text{ đồng}$ (Năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông HLH thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền còn thiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 558 ngày 28/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 77.856.534 đồng (Bảy mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 23.729.375 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi quá hạn là 54.127.159 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn một trăm năm mươi chín đồng), và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bị đơn ông HLH phải chịu án phí sơ thẩm là 3.892.827 đồng (Ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 (được sửa đổi, bổ

sung bởi Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017) và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT.

1.1. Buộc ông HLH thanh toán ngay làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 558 ngày 28/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 77.856.534 đồng (Bảy mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 23.729.375 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi quá hạn là 54.127.159 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

1.2. Kể từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong, ông HLH còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 558 ngày 28/11/2018.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 3.892.827 đồng (Ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng) ông HLH phải chịu.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.796.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai số 0018896 ngày 26 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân